

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **422**/STP-VP
V/v triển khai Báo cáo số 77/BC-BTP
ngày 26/3/2014 của Bộ Tư pháp

Đồng Nai, ngày **14** tháng 4 năm 2014

Kính gửi:

- .. UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- .. Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- .. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở.

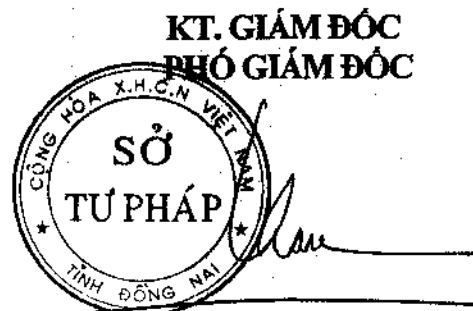
Thực hiện Công văn số 2770/UBND-NC ngày 04/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Báo cáo số 77/BC-BTP ngày 26/3/2014 của Bộ Tư pháp về kết quả 02 năm thực hiện Chiến lược trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Sở Tư pháp triển khai Báo cáo số 77/BC-BTP ngày 26/3/2014 của Bộ Tư pháp đến Ủy ban nhân dân và Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các phòng, chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở nghiên cứu triển khai thực hiện hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý tại địa phương; văn bản được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp tại địa chỉ: <http://stp.dongnai.gov.vn/vanbanphapquy>, các đơn vị truy cập nghiên cứu thực hiện.

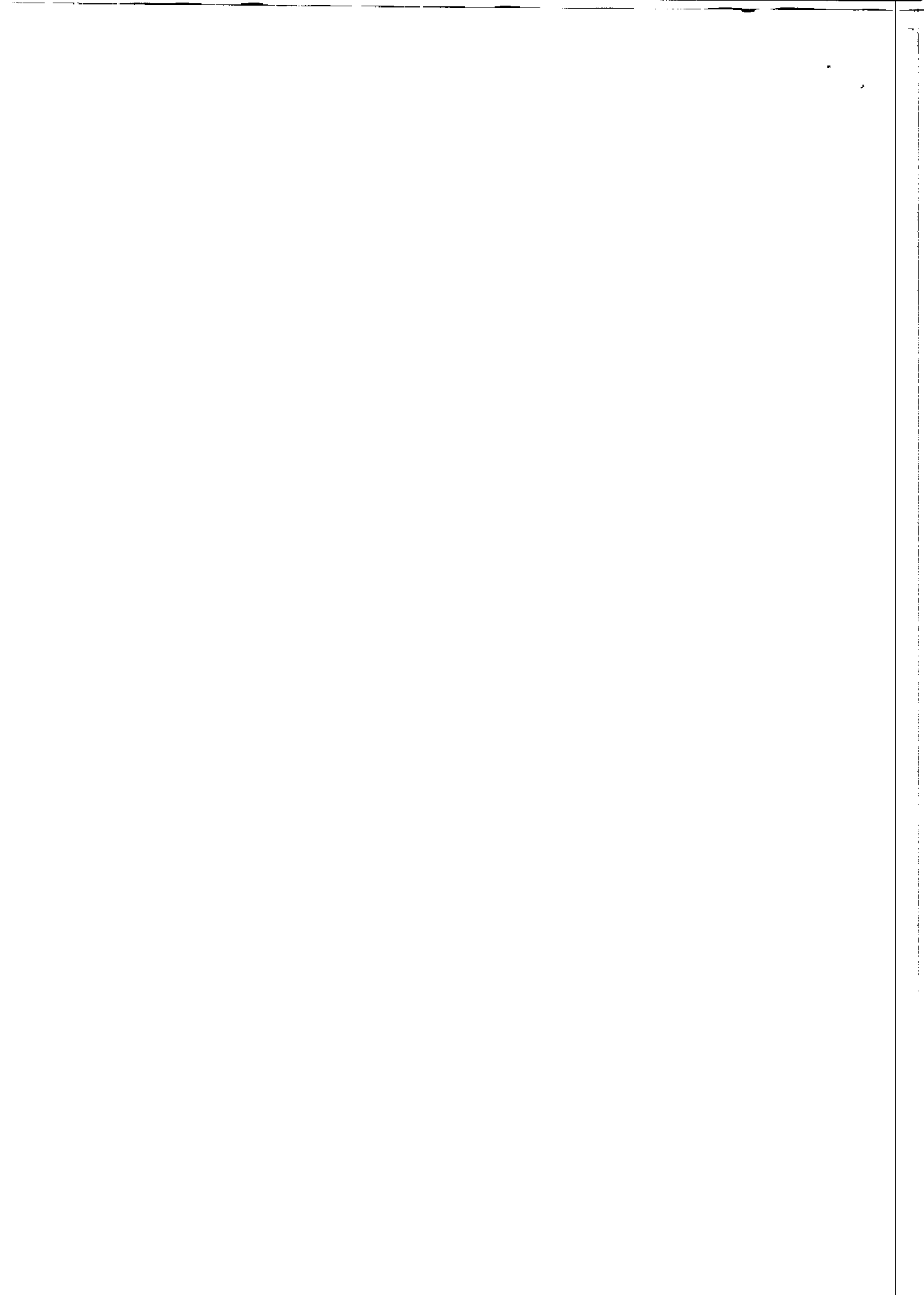
Trong quá trình truy cập, văn bản có khó khăn, vướng mắc liên hệ Văn phòng Sở Tư pháp để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- GE, các PGĐ;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT.



Phan Văn Châu



BỘ TƯ PHÁP

Số: 77/BC - BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2014

UBND TỈNH ĐÔNG NÀM

16/7/14

211031/14

BÁO CÁO

02 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày 10/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược). Qua hơn 02 năm triển khai Chiến lược, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương quan tâm, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong phạm vi toàn quốc và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý (TGPL), đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng đa dạng của người được TGPL. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai đã có những hạn chế, bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng công tác TGPL. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị toàn quốc triển khai công tác tư pháp năm 2013 về việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực TGPL cho người nghèo (điểm 9, mục II Thông báo số 46/TB-VPCP ngày 28/01/2013 của Văn phòng Chính phủ), ngày 17/01/2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược theo hình thức trực tuyến tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Chủ tịch Quốc hội Ưông Chu Lưu đã dự và chỉ đạo Hội nghị.

Trên cơ sở kết quả Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Chiến lược, báo cáo của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kết quả kiểm tra, khảo sát, đánh giá về thực trạng triển khai Chiến lược của cơ quan quản lý, Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Tình hình triển khai thực hiện Chiến lược

Để triển khai thực hiện Chiến lược theo Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 4413/QĐ-BTP ngày 08/12/2011 ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện

Chiến lược, Quyết định số 4414/QĐ-BTP ngày 08/12/2011 ban hành Kế hoạch năm 2012 triển khai thực hiện Chiến lược, Quyết định số 1147/QĐ-BTP ngày 16/05/2013 ban hành Kế hoạch năm 2013 triển khai thực hiện Chiến lược nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chiến lược; đồng thời, tổ chức hội nghị hướng dẫn thực hiện Chiến lược và các Kế hoạch trên với sự tham gia của đại diện các Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương, thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng cấp tỉnh (Sở Tư pháp, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Sở Tài chính, Bộ Tư lệnh Quân khu hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) và Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các Bộ, ban, ngành, đoàn thể được giao thực hiện nhiệm vụ tại Chiến lược trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình đã kịp thời tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến về Chiến lược tới các cán bộ, công chức, viên chức thông qua các hội nghị, tập huấn, các nhiệm vụ trọng tâm của ngành hoặc lồng ghép trong phổ biến, giáo dục pháp luật chung (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ,...)¹; một số Bộ, ngành đã có văn bản hướng dẫn triển khai trong phạm vi quản lý của ngành mình.

Đối với địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) đã chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc thực hiện Chiến lược, tổ chức quán triệt, giới thiệu, phổ biến nội dung của Chiến lược đến cán bộ chủ chốt của các cơ quan, ban, ngành tại hội nghị về TGPL và đến người dân qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Việc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai Chiến lược được các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm và chỉ đạo sát sao. Một số UBND cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản về TGPL phù hợp với nội dung của Chiến lược. Đến nay, 40 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược, một số tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch hàng năm (20 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch năm 2012, 23 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch năm 2013), một số tỉnh ban hành cả Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch năm. Một số tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương lồng ghép triển khai Chiến lược với chương trình, kế hoạch phát triển TGPL của địa phương, trong đó giao Sở Tư pháp giữ vai trò chủ trì, đầu mối, các Sở, ban, ngành có trách nhiệm

¹ Báo cáo số 3253/BNV-PC ngày 16/9/2013 về kết quả 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL của Bộ Nội vụ; Báo cáo số 45/BC-BTTTT ngày 16/9/2013 sơ kết 02 năm thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam của Bộ Thông tin và Truyền thông; Báo cáo số 3539/LĐTBXH-PC ngày 17/9/2013 báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Chiến lược TGPL ở Việt Nam của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

phối hợp thực hiện². Một số nơi căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của mình để đề ra các hoạt động đặc thù nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chiến lược và đáp ứng tốt nhất nhu cầu TGPL của người dân³. Nhìn chung, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chiến lược tại địa phương đã bám sát Chiến lược của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch do Bộ Tư pháp ban hành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Những kết quả đạt được theo các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp của Chiến lược trong 02 năm (6/2011 – 6/2013)

2.1. Nâng cao nhận thức về TGPL

Để nâng cao nhận thức của cán bộ các cơ quan, tổ chức về hoạt động TGPL và nhận thức của người dân về quyền được TGPL, trong thời gian qua, các Bộ, ban, ngành và địa phương đã tích cực triển khai các hoạt động truyền thông về TGPL. Đến nay, 43% xã, phường, thị trấn trong toàn quốc (đạt khoảng 1/2 chỉ tiêu Chiến lược đến năm 2015) và 87% cơ quan tiến hành tổ tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ (đạt chỉ tiêu Chiến lược đến năm 2015) đã lắp đặt Bảng thông tin, Hộp tin về TGPL tại UBND và nơi tiếp dân. Ngoài ra, Bảng thông tin, Hộp tin còn được lắp đặt tại Đồn Biên phòng, Nhà văn hóa, Buu điện văn hóa, Trạm y tế xã. Các địa phương đã biên soạn, in ấn, phát hành 288.988 cuốn tài liệu pháp luật, 3.549.285 tờ gấp pháp luật (trong đó có 77.605 tờ gấp pháp luật bằng tiếng dân tộc thiểu số); thu và sao 11.485 băng cát-xét (4.550 băng cát-xét bằng tiếng dân tộc thiểu số) để phát trên hệ thống loa truyền thanh xã. Hoạt động truyền thông còn được thực hiện thông qua các chuyên trang, chuyên mục trên đài phát thanh - truyền hình, báo chí⁴, lồng ghép trong các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL tại cơ sở (Phụ lục 06).

Nhìn chung, các hình thức truyền thông phong phú, đa dạng, đã chú trọng truyền thông qua tiếng nói, chữ viết của người dân tộc thiểu số; nội dung truyền thông đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu và dễ tiếp cận. Vì vậy, ngày càng có nhiều người dân biết về TGPL và tìm đến các tổ chức TGPL để yêu cầu TGPL.

² Nghệ An, Quảng Trị, Phú Yên, Bắc Ninh

³ Tiền Giang, An Giang, Hưng Yên, Lạng Sơn, Hà Giang, Cà Mau, Lào Cai, Bình Phước, Gia Lai

⁴ Bình Dương thực hiện 63 chương trình tư vấn pháp luật trực tiếp trên Đài PT-TH của tỉnh với tần suất 03 lần/tháng; Bắc Ninh thực hiện 50 chương trình (02 lần/tháng); Bắc Giang thực hiện 05 chuyên trang/năm trên báo Bắc Giang và 12 chuyên mục trên Đài PT-TH tỉnh (01 lần/tháng); tỉnh Đồng Nai thực hiện 15 bản tin về hoạt động TGPL trên Đài PT-TH tỉnh và 12 bài phóng sự trên Báo Đồng Nai...

- Liên đoàn Luật sư Việt Nam nhân ngày Truyền thống Luật sư (10/2013) đã phát động tuyên truyền, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng phong trào thực hiện TGPL tại hàng nghìn điểm trong cả nước với sự tham gia của các đoàn luật sư trong toàn quốc, các đơn vị liên quan, các tổ chức hành nghề luật sư và 8.000 luật sư (Báo cáo số 261/LDLSVN ngày 10/10/2013 của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc tổng hợp sơ kết 02 năm thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam).

2.2. Phát triển mạng lưới tổ chức TGPL và mạng lưới hỗ trợ hoạt động TGPL ở cơ sở

2.2.1. Kết quả củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh

Hiện nay, trong cả nước có 63 Trung tâm TGPL nhà nước (sau đây gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Sở Tư pháp tại 63 tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương và 199 Chi nhánh của Trung tâm đặt tại huyện hoặc liên huyện (tăng 15% so với trước khi có Chiến lược) (*Phụ lục 01*), trong đó, 10% số tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Chi nhánh tại 1/3 tổng số đơn vị hành chính cấp huyện; trên 50% Chi nhánh có Trưởng Chi nhánh hoặc Trợ giúp viên pháp lý. Một số địa phương không thành lập Chi nhánh: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nam, Lai Châu, Sơn La, Thái Bình, Hà Tĩnh do Trung tâm có thể đáp ứng được nhu cầu TGPL của người dân trong tỉnh, địa phương không có đủ nguồn lực. Các Trung tâm và Chi nhánh có 1.244 người, trung bình 19 biên chế/Trung tâm, trong đó có 483 là Trợ giúp viên pháp lý.

2.2.2. Thực hiện TGPL của cộng tác viên TGPL

Hiện nay, cả nước có 277 tổ chức hành nghề luật sư (chiếm 10,6 % tổng số tổ chức hành nghề luật sư), 40 Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp (chiếm 37% tổng số Trung tâm tư vấn pháp luật) đăng ký tham gia TGPL với 815 luật sư và 102 Tư vấn viên pháp luật (*Phụ lục 03*); hiện vẫn còn 21 tỉnh/thành phố không có tổ chức đăng ký tham gia TGPL⁵. Tổng số cộng tác viên TGPL trong toàn quốc là 8.980 người, trong đó có 1.055 luật sư, chiếm 11,7%. Thành phần tham gia cộng tác viên tương đối đa dạng như cán bộ tư pháp huyện, xã; cán bộ, người lao động của các Sở, ban, ngành... Trong 02 năm, cộng tác viên thực hiện 109.264 vụ việc, chiếm 47% tổng số vụ việc, trong đó, cộng tác viên là luật sư thực hiện 22.724 vụ việc, chiếm 10% tổng số vụ việc. Ngoài ra, tổng số vụ việc tham gia tố tụng trong 2 năm là 13.395 vụ việc, riêng luật sư thực hiện 8.819 vụ việc tố tụng (chiếm 65,8% trong tổng số vụ việc tham gia tố tụng).

2.2.3. TGPL tại cơ sở

TGPL lưu động được áp dụng phổ biến nhất trong các hoạt động TGPL tại cơ sở. Các Trung tâm đã thực hiện 8.439 đợt TGPL lưu động tại 7.056 xã (đạt 32% số xã/năm); khoảng 80% các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội

⁵ Bạc Liêu, Bình Dương, Cần Thơ, Đà Nẵng; Gia Lai, Hải Dương, Hậu Giang, Hưng Yên, Lai Châu, Lào Cai, Long An, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

đặc biệt khó khăn được TGPL lưu động ít nhất 01 đợt/01 năm. Số vụ việc được thực hiện tại các đợt TGPL lưu động chiếm 44% tổng số vụ việc của các Trung tâm⁶.

Hiện nay, trong cả nước có 4.345 Câu lạc bộ TGPL thành lập tại 39% xã, phường, thị trấn trong toàn quốc; 100% xã tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ thành lập Câu lạc bộ TGPL. Trong 02 năm, các Câu lạc bộ đã tổ chức 38.000 đợt sinh hoạt với 1.215.813 người tham dự, thực hiện 31.793 vụ việc chủ yếu là giải đáp pháp luật đơn giản.

Ngoài ra, còn có 293 Tổ TGPL, 230 Điểm TGPL đặt tại Phòng Tư pháp, UBND xã, Hội phụ nữ⁷... Hoạt động TGPL tại cơ sở được lồng ghép với hoạt động xét xử lưu động của Tòa án, hoạt động tìm hiểu pháp luật và lồng ghép với lễ hội văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số tại địa phương.

2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Hiện nay, tại 17 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có từ 10 Trợ giúp viên pháp lý trở lên (chiếm 27%); 27 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có từ 05 - 09 Trợ giúp viên pháp lý (chiếm 43%) và 19 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có dưới 05 Trợ giúp viên pháp lý (chiếm 30%). Trong 02 năm qua, đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý đã dần trưởng thành và khẳng định được vai trò của mình trong việc thực hiện TGPL (số vụ việc do Trợ giúp viên pháp lý thực hiện chiếm 53% tổng số vụ việc, tăng 14% so với trước khi có Chiến lược). Tại những địa bàn khó khăn của một số tỉnh miền núi, đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý đóng vai trò chủ chốt trong việc thực hiện các vụ việc tham gia tố tụng trong những vụ việc bắt buộc phải có sự tham gia của luật sư, khắc phục tình trạng thiếu luật sư trong thời điểm hiện nay.

Đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm bảo đảm đủ các tiêu chuẩn theo quy định, được đào tạo cơ bản, có kiến thức pháp luật và kinh nghiệm hành nghề. Để nâng cao năng lực của người thực hiện TGPL, các địa phương đã tổ chức 499 đợt tập huấn cho 40.940 người tham dự, trung bình mỗi tỉnh/thành phố tổ chức 3 - 4 đợt/năm, Bộ Tư pháp tổ chức 2 - 3 lớp tập huấn/năm, tập trung bồi dưỡng các kỹ năng TGPL hoặc cập nhật các quy định pháp luật ở những lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đối với đời sống xã hội (đất đai, lao động...). So với trước khi có Chiến lược, số lượng Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên được tập huấn về văn bản pháp luật mới tăng 1.744 lượt người và về kỹ năng TGPL tăng 1.346 lượt người (Phụ lục 02). Tuy nhiên, thực tế nhiều Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên được tập huấn,

⁶ Phụ lục 4

⁷ An Giang, Bến Tre, Bình Dương, Bình Thuận, Đồng Tháp, Hà Nam, Hậu Giang, Lâm Đồng, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Quảng Trị, Sóc Trăng, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc....

bồi dưỡng nghiệp vụ nhiều lượt trong năm, nhưng cũng có người chưa tham dự, đặc biệt là đối với đội ngũ cộng tác viên TGPL ở cơ sở.

2.4. Kết quả thực hiện các vụ việc TGPL

Trong 02 năm, các tổ chức TGPL thực hiện 231.830 vụ việc, trung bình 115.915 vụ việc/năm, tăng 18% so với trung bình năm trước khi có Chiến lược, các vụ việc chủ yếu là tư vấn pháp luật: 213.335 vụ việc (chiếm 92%); số lượng vụ việc tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng còn ít (tham gia tố tụng: 13.395 vụ việc, chiếm 5,8%; đại diện ngoài tố tụng: 417 vụ việc, chiếm 0,17%); hòa giải: 1.801 vụ việc, chiếm 0,77% và vụ việc khác: 2.882, chiếm 1,26%.

Tổng số lượt người được TGPL trong 02 năm là: 240.176, trong đó 93.421 người nghèo (chiếm 38,9%); 42.832 người dân tộc thiểu số (chiếm 17,8%); 34.079 người có công với cách mạng (chiếm 14,2%); 10.819 trẻ em (chiếm 4,5%); 486 người khuyết tật (chiếm 0,2%); 1.213 người già (chiếm 0,5%) và 57.326 đối tượng khác (chiếm 23,9%). Như vậy, người được TGPL chủ yếu là người nghèo và người dân tộc thiểu số.

2.5. Công tác phối hợp trong hoạt động TGPL

Để thực hiện các mục tiêu, giải pháp của Chiến lược, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ và nhận được sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, ban, ngành ở Trung ương (Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc, Thanh tra Chính phủ) trong xây dựng, ban hành thể chế, chính sách TGPL và tổ chức thực hiện các nội dung: tổ chức bộ máy, viên chức của Trung tâm và Chi nhánh, chương trình bồi dưỡng Trợ giúp viên pháp lý chính; chế độ tài chính, thẩm định và quản lý nguồn kinh phí TGPL; chương trình giảm nghèo, TGPL cho các đối tượng bảo trợ xã hội; bố trí nguồn vốn; TGPL cho đồng bào dân tộc thiểu số; TGPL trong việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính... Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về TGPL trong hoạt động tố tụng (thay thế Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định về TGPL trong hoạt động tố tụng) và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng ở Trung ương. Hoạt động phối hợp TGPL trong tố tụng giữa các ngành Tư pháp, Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tài chính, Quốc phòng ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực bảo đảm quyền đại diện, bảo chữa miễn phí của người được TGPL. Ngoài ra, Bộ Tư pháp chủ trì hoặc phối hợp

với các Bộ, ngành, tổ chức có liên quan theo dõi, kiểm tra, khảo sát, đánh giá việc thực hiện công tác TGPL nói chung và chính sách TGPL trong các Chương trình giảm nghèo nói riêng. Bộ Tư pháp phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và TGPL cho thành viên, hội viên của các tổ chức này.

Ở địa phương, Sở Tư pháp đã phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm nguồn lực tài chính và tổ chức triển khai thực hiện công tác TGPL, trong đó có hoạt động phối hợp TGPL trong tổ tụng.

Các tổ chức thực hiện TGPL đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng để thông tin, truyền thông về TGPL; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan, đặc biệt là chính quyền cơ sở khi triển khai các hoạt động nghiệp vụ TGPL, phát triển đội ngũ cộng tác viên cũng như thực hiện vụ việc TGPL, huy động đội ngũ cán bộ của tổ chức đoàn thể có kiến thức pháp luật tham gia làm cộng tác viên TGPL hoặc tham gia TGPL ở cơ sở.

2.6. Quản lý nhà nước về công tác TGPL

Công tác quản lý nhà nước về TGPL trong 02 năm thực hiện Chiến lược tiếp tục được tăng cường. Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trực tiếp ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế nhiều văn bản pháp luật về TGPL (02 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 03 Thông tư và Thông tư liên tịch). Nổi bật là Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg). Văn bản này cùng với Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 - 2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg) đã góp phần bảo đảm kịp thời quyền được TGPL của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương giảm nghèo bền vững của Đảng và Nhà nước. Các văn bản pháp luật được kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đã tạo cơ sở pháp lý cần thiết triển khai thực hiện Chiến lược và Luật TGPL, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn công tác TGPL.

Bộ Tư pháp thường xuyên theo dõi, kiểm tra công tác thực hiện Chiến lược và kịp thời có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương. Trong năm 2012 và 2013, Bộ Tư pháp tổ chức 13 đoàn kiểm tra, khảo sát của Bộ và 05 đoàn kiểm tra, khảo sát liên ngành (Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội Luật gia Việt Nam) tại 03 khu vực Bắc, Trung, Nam. Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã tiến hành điều tra xã hội học, khảo sát bằng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu tại nhiều tỉnh, thành phố nhằm đánh giá thực trạng thực hiện Chiến lược ở địa phương.

Công tác TGPL ở các địa phương luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của UBND cấp tỉnh: ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chiến lược; bảo đảm về biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất cho Trung tâm; chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia công tác TGPL; hướng dẫn, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác TGPL; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thanh tra, kiểm tra, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Sở Tư pháp đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho UBND cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác TGPL: chỉ đạo Trung tâm tham mưu, xây dựng các văn bản trình UBND cấp tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền để bảo đảm kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ TGPL; thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trung tâm và Chi nhánh, quy hoạch, đào tạo phát triển đội ngũ viên chức của Trung tâm; theo dõi, kiểm tra công tác TGPL, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL theo thẩm quyền; sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng trong công tác TGPL.

3. Đánh giá chung

3.1. Những tác động tích cực

Thứ nhất, Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam ra đời đã đánh dấu bước phát triển trong công tác TGPL. Lần đầu tiên, trong một lĩnh vực của ngành Tư pháp đã có văn bản có tính định hướng lớn và dài hạn. Chiến lược đã xác định các quan điểm phát triển đúng đắn, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và bản chất của chế độ ta, thể hiện sự gắn kết, mối liên hệ mật thiết giữa công tác TGPL với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, với vấn đề xóa đói, giảm nghèo bền vững, vấn đề chính sách dân tộc, chính sách đối với người có công. Phần lớn các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp đề ra trong Chiến lược đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Thứ hai, TGPL là chính sách lớn trong tổng thể các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta, có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc; đưa pháp luật đến với người nghèo, người dân tộc thiểu số và người có hoàn cảnh đặc biệt trong xã hội. Công tác TGPL đã trở thành cầu nối giữa chính quyền và nhân dân, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL; nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, tích cực tham gia xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa đối với những thế hệ người có công với cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội; góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội. Công tác TGPL có tác động tích cực đến việc tổ chức thực hiện pháp luật để đưa pháp luật vào cuộc sống, nhất là đối với người nghèo và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, góp phần đáng kể vào sự ổn định, phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, ban, ngành trong công tác này. Vì vậy, công tác TGPL tiếp tục nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các cấp ủy, chính quyền và người dân, nhất là người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số và những người có hoàn cảnh đặc biệt. Đồng thời, công tác TGPL cũng góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong việc bảo vệ nhân quyền, phù hợp xu thế phát triển chung của thế giới.

Thứ ba, nhận thức của cán bộ ở các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác TGPL đã có chuyển biến nên có sự chỉ đạo sát sao hơn, quan tâm đầu tư, hỗ trợ và bảo đảm về con người và kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác TGPL, tạo sự gắn kết công tác TGPL với nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Thứ tư, thể chế, chính sách TGPL được tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cần thiết để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, kịp thời điều chỉnh những vấn đề mới phát sinh đáp ứng yêu cầu của công tác TGPL.

Thứ năm, bộ máy cán bộ của tổ chức TGPL nhà nước được kiện toàn và nâng cao năng lực; điều kiện cơ sở vật chất tăng lên bảo đảm để các tổ chức TGPL nhà nước hoàn thành nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân, nhất là tại những nơi nguồn lực xã hội còn hạn chế.

Đạt được những kết quả trên là do có sự quan tâm của Quốc hội, sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, cùng với Ngành Tư pháp còn có sự tham gia, phối hợp của các Bộ, ngành, tổ chức đoàn thể Trung ương và cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, chuyên gia, luật gia, luật sư, những người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, tư pháp.

3.2. Những hạn chế, bất cập

3.2.1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp đề ra trong Chiến lược chưa phù hợp

Thứ nhất, một số mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp đề ra trong Chiến lược còn quá cao so với nguồn lực và năng lực thực tế, chưa phù hợp với các vùng, miền dẫn tới quá trình triển khai thực hiện các hoạt động TGPL chưa hiệu quả, cần điều chỉnh. Cụ thể là:

- *Chỉ tiêu:* Thành lập Chi nhánh tại các huyện xa trung tâm (từ trên 25 km đối với địa bàn đồng bằng đông dân cư và trên 35 km đối với địa bàn vùng trung du và miền núi) (giai đoạn 2011 - 2015)⁸ và giải pháp giai đoạn 2011-2015 là phát triển thêm Chi nhánh của Trung tâm ở các xã của các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa là chưa phù hợp. Thực hiện chỉ tiêu và giải pháp này trong thực tế đã dẫn đến nhiều bất cập. Một số địa phương thành lập nhiều Chi nhánh nhưng không dựa vào nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện của địa phương về nguồn lực con người, kinh phí, cơ sở vật chất, do vậy hiệu quả hoạt động chưa cao.

- *Chỉ tiêu:* Bảo đảm 100% các xã, phường, thị trấn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thành lập Câu lạc bộ TGPL; 50% - 60% các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc thành lập Câu lạc bộ TGPL (giai đoạn 2011 - 2015) và 100% các xã, phường, thị trấn trong toàn quốc thành lập Câu lạc bộ TGPL (giai đoạn 2016 - 2020)⁹ không phù hợp. Thực hiện chỉ tiêu này như mục 2.2.3 đã nêu, trong toàn quốc đã thành lập 4.345 Câu lạc bộ TGPL¹⁰, nhưng hoạt động kém hiệu quả.

- *Chỉ tiêu:* Phát triển đội ngũ 1.000 Trợ giúp viên pháp lý có tính chuyên nghiệp và khoảng 12.000 cộng tác viên TGPL (giai đoạn 2011 - 2015); 1.500 Trợ giúp viên pháp lý và khoảng 20.000 cộng tác viên TGPL (giai đoạn 2016 - 2020)¹¹ chưa phù hợp. Sau 02 năm triển khai Chiến lược, số Trợ giúp viên pháp lý tăng 167 người, số cộng tác viên tăng 445 người. Đặc biệt đối với các vùng, miền có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc thu hút luật sư cộng tác viên rất hạn chế.

- *Chỉ tiêu:* Bảo đảm từ 60% - 70% Trợ giúp viên pháp lý được luân phiên bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước tương đương ngạch chuyên viên (giai đoạn 2011 - 2015)¹²: Chỉ tiêu này không cần thiết (trừ chức danh Giám đốc Trung tâm) vì Trợ

⁸ Điểm a mục 2 phần II Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam; Hoạt động 3 mục I Phần III Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL, nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008-2010, định hướng đến 2015 (Quyết định 792/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ)

⁹ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

¹⁰ Phụ lục 3

¹¹ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

¹² Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

giúp viên pháp lý là chức danh nghề nghiệp nên không cần đặt ra chỉ tiêu về bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

Thứ hai, mục tiêu, chỉ tiêu về xã hội hóa TGPL chưa được đẩy mạnh ở giai đoạn 2011- 2015. Trong giai đoạn này, Chiến lược mới xác định huy động, khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức xã hội đăng ký tham gia TGPL, thu hút sự tham gia tích cực của luật sư, luật gia và cộng tác viên khác¹³ mà chưa nêu rõ cơ chế bảo đảm thực hiện.

3.2.2. Trong quá trình triển khai Chiến lược còn bất cập

a) Việc nâng cao nhận thức về TGPL còn hạn chế

Công tác truyền thông về TGPL chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động TGPL. Nội dung truyền thông chưa phù hợp với các đối tượng đặc thù và địa bàn sinh sống của người dân. Việc tuyên truyền mới chỉ dừng lại ở phản ánh sự kiện, giới thiệu các quan điểm, chủ trương, thiếu những bài viết, câu chuyện sâu sắc về công tác TGPL, về những vụ việc điển hình, đặc biệt thông qua các hình thức kịch, tiểu phẩm hay hoặc trên những trang báo, trang thông tin điện tử lớn. Công tác truyền thông chưa phản ánh sinh động thực tế công tác TGPL nên chưa thu hút sự quan tâm của xã hội, người dân về công tác này. Sự phối hợp của các cấp, các ngành trong truyền thông về TGPL còn hạn chế, mới tập trung đặt Bảng thông tin, Hộp tin ở các Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, mà chưa quan tâm truyền thông tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nơi tiếp công dân. Vì vậy, nhiều người dân nhất là tại vùng sâu, vùng xa, miền núi chưa biết về TGPL, trong khi đó, người thuộc diện TGPL tại những địa bàn này lại chiếm số lượng đông.

b) Phát triển mạng lưới tổ chức TGPL nhà nước chưa phù hợp

Căn cứ vào Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015, UBND cấp tỉnh đã phê duyệt các Đề án Quy hoạch Trung tâm và Chi nhánh trong phạm vi địa phương mình. Tuy nhiên, do một số chỉ tiêu quy hoạch về tổ chức bộ máy chưa phù hợp nên trên thực tế, tổ chức bộ máy của một số Trung tâm TGPL và Chi nhánh lớn nhưng hoạt động chưa hiệu quả. Một số Chi nhánh phát triển theo chỉ tiêu số lượng mà chưa chú trọng đến chất lượng, chưa gắn với nhu cầu, điều kiện bảo đảm của địa phương, hiện vẫn còn 42,8% Chi nhánh chưa có Trưởng Chi nhánh hoặc chỉ có cán bộ kiêm nhiệm và không có Trợ giúp viên pháp lý.

¹³ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

Mạng lưới hỗ trợ hoạt động TGPL ở cơ sở chưa hiệu quả: Một số Câu lạc bộ TGPL được thành lập chưa xuất phát từ nhu cầu TGPL của người dân, nguồn kinh phí chưa bảo đảm. Ngoài các Câu lạc bộ được thành lập theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg, hầu hết các Câu lạc bộ đang rất khó khăn về kinh phí hoạt động, sinh hoạt cầm chừng hoặc không sinh hoạt. Phần lớn Câu lạc bộ không có người thực hiện TGPL tham gia sinh hoạt để tư vấn, hướng dẫn các vụ việc cụ thể, nội dung chủ yếu là phổ biến pháp luật hoặc sinh hoạt giữa các thành viên Ban chủ nhiệm, số lượng vụ việc thực hiện tại Câu lạc bộ còn thấp.

Hoạt động TGPL lưu động ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa chú trọng đến chất lượng, người dân tham gia ít, không thực hiện nhiều vụ việc mà chủ yếu là tuyên truyền, phổ biến về các lĩnh vực pháp luật mà người dân có nhiều vướng mắc. Trong một số trường hợp, TGPL lưu động còn thiên về nhiệm vụ của phổ biến, giáo dục pháp luật như phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành.

c) Hiệu quả hoạt động của mạng lưới tổ chức TGPL nhà nước chưa cao

Tổ chức thực hiện TGPL nhà nước còn nặng về tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo bề rộng mà chưa chú trọng, tập trung vào thực hiện vụ việc, số lượng TGPL tham gia tố tụng còn ít, như trên đã nêu, tổng số vụ việc tham gia tố tụng chỉ chiếm 5,8% trong tổng số các vụ việc TGPL.

Chất lượng một số vụ việc tham gia tố tụng chưa cao, công tác đánh giá chất lượng vụ việc chưa hiệu quả¹⁴. Việc tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra chưa nhiều, một số vụ việc tố tụng mới dừng lại ở việc tham gia phiên tòa mà chưa có sự nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ việc, chưa tham gia sâu sắc vào quá trình tố tụng như gặp gỡ bị can, bị cáo, người làm chứng... Một số bản bào chữa, bảo vệ còn sơ sài, chưa có sự phân tích, đánh giá kỹ lưỡng tình tiết vụ việc để bảo vệ, bào chữa cho người được TGPL là bị can, bị cáo. Việc tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc mới ở bước đầu, chưa được triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện và quyết liệt trong cả nước. Việc quản lý nhà nước về chất lượng vụ việc TGPL chưa được chú trọng đúng mức, chưa có cơ chế hữu hiệu để quản lý và đánh giá chất lượng vụ việc TGPL một cách khách quan, chính xác.

Việc mở rộng phạm vi hoạt động TGPL có biểu hiện trùng lặp với một số hoạt động như phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tư vấn pháp luật của các đoàn thể, hội luật gia, luật sư...

Việc đầu tư trụ sở, con người, cơ sở vật chất để thành lập Chi nhánh so với việc đáp ứng nhu cầu TGPL hiệu quả hoạt động thấp, theo số liệu thống kê chưa

¹⁴ Báo cáo số 481/BC-CTGPL ngày 05/12/2012 về kết quả 04 năm thực hiện Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL.

dây dủ, trung bình mỗi Chi nhánh thực hiện được khoảng 13 vụ việc/tháng. Tuy nhiên, đến nay chưa có giải pháp đối với các Chi nhánh được thành lập không có con người, không thực hiện vụ việc.

Trong 02 năm, tổng kinh phí cấp cho hoạt động TGPL trong toàn quốc là 245.624.870.000 đồng (trung bình mỗi Trung tâm được cấp 1.949.546.000 đồng/năm). Trong đó: (1) ngân sách địa phương là 188.762.642.000 đồng, chiếm 76,8% tổng kinh phí; (2) ngân sách Trung ương hỗ trợ: 42.432.000.000 đồng (chiếm 17,3%), bao gồm: kinh phí theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg: 36.732.000.000 đồng; kinh phí hỗ trợ từ Quỹ TGPL Việt Nam: 5.700.000.000 đồng; (3) nguồn khác¹⁵: 14.448.227.000 đồng (chiếm 5,9%). Tuy nhiên, tổng kinh phí chi lương và chi các hoạt động truyền thông, lưu động... của Trung tâm TGPL nhà nước chiếm khoảng 95% tổng kinh phí được cấp. Trong khi đó, kinh phí chi cho các vụ việc chiếm khoảng 15% tổng kinh phí chi cho hoạt động nghiệp vụ¹⁶, và chỉ chiếm khoảng 2 – 5 % so với tổng kinh phí cấp cho hoạt động TGPL trong toàn quốc. Như vậy, nhiệm vụ cơ bản của công tác TGPL là tập trung vào vụ việc, đặc biệt là các vụ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền cơ bản của nhóm người yếu thế khi họ bị lâm vào vòng lao lý chưa thực sự đạt được.

d) Công tác xã hội hóa hoạt động TGPL chưa được đẩy mạnh

Về huy động nguồn nhân lực: Nhiều địa phương chưa khuyến khích, huy động được tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL, vẫn còn 89% tổ chức chưa đăng ký tham gia¹⁷, thậm chí có địa phương chưa có tổ chức nào đăng ký tham gia TGPL như trên đã nêu. Các tổ chức hành nghề luật sư tham gia TGPL song hiệu quả chưa cao, số lượng vụ việc rất khiêm tốn, nhiều tổ chức đăng ký tham gia nhưng chưa thực hiện vụ việc hoặc không có báo cáo; một số vụ việc TGPL chưa theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo của tổ chức tham gia TGPL không thường xuyên; cơ chế phối hợp giữa Trung tâm TGPL với tổ chức tham gia TGPL chưa chặt chẽ.

Số lượng luật sư thuộc các tổ chức tham gia TGPL không nhiều mà chủ yếu là luật sư mới hành nghề, chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực còn hạn chế. Một số Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia mới có 01 – 02 người, nhân sự phần lớn là cán bộ Hội Luật gia kiêm nhiệm hoặc là nhân viên hợp đồng¹⁸. Số

¹⁵ Chương trình trẻ em, Chương trình Bình đẳng giới, Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo (Ninh Bình); Phòng chống tệ nạn xã hội (Quảng Ninh); Đề án 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt và Đề án Thanh thiếu niên (Bình Thuận); nguồn phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ và Vị thành niên (Thái Bình); v.v...

¹⁶ Số liệu báo cáo của 53 tỉnh/thành phố

¹⁷ Phụ lục 3

¹⁸ Bạc Liêu, Bình Phước, Bắc Ninh, Bắc Cạn, Kon Tum, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc (Báo cáo số 439/H.L.GVN ngày 11/11/2013 về hoạt động TGPL của Trung ương Hội Luật gia Việt Nam)

lượng cộng tác viên là luật sư thấp, tham gia TGPL chưa tích cực, thường xuyên và hiệu quả chưa cao.

Luật Luật sư quy định nghĩa vụ thực hiện TGPL, tuy nhiên, chưa quy định cụ thể về trách nhiệm này của Luật sư, chưa có biện pháp bảo đảm và giám sát thi hành điều luật này. Theo số liệu báo cáo của Liên đoàn luật sư¹⁹, trong 02 năm mới có 398/7.800 luật sư toàn quốc (5%) tham gia các vụ án chỉ định, tư vấn pháp luật miễn phí với tổng số 5.248 vụ việc tư vấn và tranh tụng.

Chưa có cơ chế quản lý và huy động, khuyến khích cá nhân có trình độ, hiểu biết về pháp luật tham gia TGPL tình nguyện.

đ) Công tác phối hợp trong hoạt động TGPL một số nơi chưa hiệu quả: Tại một số cơ quan, tổ chức có liên quan, công tác phối hợp trong hoạt động TGPL chưa chặt chẽ, có nơi vẫn coi TGPL là nhiệm vụ của riêng ngành Tư pháp. Mặc dù Luật TGPL và văn bản hướng dẫn về TGPL trong tổ tụng đã quy định, nhưng một số cán bộ tại cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhận thức chưa đầy đủ về công tác TGPL, chưa thực sự quan tâm và hiểu rõ trách nhiệm phối hợp trong công tác TGPL.

e) Công tác quản lý nhà nước về TGPL còn bất cập: Trong thời gian qua, Cục TGPL chủ yếu tập trung cho nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế mà chưa chú trọng nhiều đến nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật TGPL, theo dõi, đánh giá thực trạng công tác TGPL để kịp thời có giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương.

Việc tăng cường năng lực cho Sở Tư pháp trong việc tham mưu giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về TGPL chưa được thực hiện hiệu quả, chưa thống nhất đơn vị giúp Sở Tư pháp quản lý công tác TGPL, nhiều Sở Tư pháp không bố trí cán bộ quản lý công tác TGPL mà giao cho các đơn vị khác nhau²⁰. Do đó, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tham gia TGPL của các tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật chưa được quan tâm đúng mức để có giải pháp quản lý, hỗ trợ.

Công tác đánh giá, kiểm tra việc tổ chức thực hiện thể chế, chính sách TGPL chưa thường xuyên, sát sao; chưa ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL, chưa có cơ sở dữ liệu quản lý về tổ chức và hoạt động TGPL.

¹⁹ Báo cáo số 261/LĐLSVN ngày 10/10/2013 của Liên đoàn luật sư Việt Nam về tổng hợp sơ kết 02 năm thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam

²⁰ 19 tỉnh Sở Tư pháp giao nhiệm vụ quản lý công tác TGPL cho Phòng Bổ trợ tư pháp; 05 tỉnh giao Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật; 01 tỉnh giao Văn phòng Sở; 01 tỉnh giao Phòng Hành chính - Tư pháp; 37 tỉnh do Lãnh đạo Sở Tư pháp trực tiếp quản lý.

trong toàn quốc, đặc biệt chưa có phần mềm quản lý các vụ việc TGPL; Trang thông tin điện tử TGPL Việt Nam chưa có nhiều tiện ích, chưa phát huy được vai trò là địa chỉ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, tạo diễn đàn của TGPL.

g) Chưa có dòng ngân sách nhà nước riêng cho hoạt động TGPL quy định trong văn bản pháp luật

Trước năm 2010 khi nước ta còn là một nước thu nhập thấp, hoạt động TGPL chủ yếu dựa vào nguồn tài trợ nước ngoài, từ các dự án ODA. Từ năm 2010 đến nay, các hỗ trợ của đối tác nước ngoài rất hạn chế, trong khi đó chúng ta chưa chuẩn bị sẵn sàng về cơ sở vật chất, kinh phí để đối phó với trường hợp nguồn tài trợ nước ngoài bị cắt đột ngột, nên công tác TGPL lâm vào tình trạng rất khó khăn.

Hàng năm, kinh phí ngân sách địa phương cấp cho các Trung tâm còn hạn chế, kinh phí được cấp như đối với các đơn vị sự nghiệp có thu khác mà chưa tính đến đặc thù, tính chất hoàn toàn miễn phí của hoạt động TGPL. Do chưa có dòng ngân sách riêng cho TGPL, nên kinh phí cấp cho TGPL ở các địa phương không đồng đều phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa Sở Tư pháp, Trung tâm TGPL với chính quyền địa phương. Do nguồn kinh phí không ổn định trong các năm nên Trung tâm không chủ động trong việc triển khai các hoạt động TGPL, một số Trung tâm gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với các chương trình giảm nghèo, ngân sách trung ương hỗ trợ theo Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg không dành cho thực hiện vụ việc TGPL mà chủ yếu dành cho TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL, sinh hoạt Tổ hòa giải, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL cho đội ngũ người thực hiện TGPL, cung cấp tờ gấp pháp luật, băng cát-xét, đĩa CD bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số, phổ biến, truyền thông các quy định của pháp luật...

3.3. Nguyên nhân

3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, bên cạnh những tác động tích cực thì nền kinh tế thị trường cũng có nhiều tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc, tội phạm gia tăng, nhiều người còn thất nghiệp..., vì vậy, nhu cầu TGPL ngày càng tăng và tính chất các vụ việc TGPL ngày càng phức tạp.

Thứ hai, từ năm 2010, nguồn hỗ trợ ODA sụt giảm mạnh vì Việt Nam đã chuyển từ nhóm các nước có thu nhập thấp sang nhóm thu nhập trung bình, trong khi ngân sách nhà nước chưa bảo đảm cho công tác TGPL, chưa có dòng ngân sách riêng cho hoạt động TGPL, nhất là các tỉnh thu không đủ chi. Các địa phương cũng

chịu sự tác động chung của tình trạng khủng hoảng kinh tế, vì vậy, việc đầu tư cho công tác TGPL gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, cơ cấu và điều kiện kinh tế của mỗi địa phương khác nhau nên việc đầu tư nguồn lực cho công tác TGPL khác nhau.

Thứ ba, thể chế và chính sách TGPL khi triển khai trong thực tế còn nhiều bất cập, chưa có đủ nguồn lực để bảo đảm thi hành, chính sách còn chưa hợp lý, chưa thống nhất, đồng bộ. Khái niệm về TGPL chưa rõ ràng; chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa TGPL của Nhà nước và TGPL tình nguyện của Luật sư và các tổ chức xã hội

3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của TGPL nói chung và Chiến lược nói riêng của một số cán bộ cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, nhà nước chưa đầy đủ nên chưa quan tâm, chỉ đạo, theo dõi sát sao để tổ chức thi hành các quy định về TGPL. Hiện nay vẫn còn 11% địa phương chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược, một số nơi chưa tổ chức tốt việc hướng dẫn thực hiện Chiến lược, việc triển khai chưa đồng bộ, toàn diện và sâu rộng.

Cũng vì nhận thức như vậy nên kinh phí hoạt động cho Trung tâm chưa được quan tâm đúng mức; chế độ, chính sách đối với Trợ giúp viên pháp lý và chuyên viên của Trung tâm chưa được bảo đảm, thu nhập thấp hơn so với các chức danh tư pháp khác, nhiệm vụ được giao nặng nề, vất vả nên chưa thu hút và giữ chân được Trợ giúp viên pháp lý làm việc ổn định tại Trung tâm. Các địa phương miền núi thiếu nguồn cán bộ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

Thứ hai, mô hình tổng thể về tổ chức TGPL chưa hợp lý, tổ chức bộ máy TGPL nhà nước hiện đang áp dụng chung mô hình trong toàn quốc mà chưa tính đến đặc thù vùng, miền nên một số nơi tổ chức bộ máy công kênh, hoạt động chưa thật hiệu quả, chưa huy động được nhiều nguồn lực luật sư, cán bộ pháp lý hiện có trên địa bàn, chưa có định hướng trọng tâm của công tác TGPL.

Một số nơi, Trung tâm chưa chú trọng đến việc cung cấp vụ việc TGPL, nhất là các vụ việc tham gia tố tụng mà mới tập trung vào công tác truyền thông, chạy theo số lượng đợt TGPL lưu động và số lượng Câu lạc bộ TGPL.

Năng lực của các tổ chức thực hiện TGPL, trình độ và kỹ năng, kinh nghiệm của đội ngũ người thực hiện TGPL còn hạn chế. Nhiều vụ việc có đối tượng thuộc diện được TGPL nhưng các Trung tâm chưa bám sát và kịp thời thực hiện TGPL. Một số Trợ giúp viên pháp lý chưa đủ sự tự tin tham gia tố tụng hoặc còn bị chi phối nhiều bởi các công việc hành chính của Trung tâm.

Thứ ba, chức danh Trợ giúp viên pháp lý còn bất cập, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế rằng người thực hiện TGPL phải là luật sư, dẫn tới nhiều bất cập trong hành nghề của Trợ giúp viên pháp lý²¹.

Thứ tư, vai trò điều phối các nguồn lực ở Trung ương đối với các hoạt động TGPL của địa phương còn mờ nhạt. Cục TGPL không xét duyệt các yêu cầu TGPL, không điều phối kinh phí thực hiện vụ việc TGPL trong cả nước, do đó không quản lý được các vụ việc từ Trung ương. Kinh phí Trung ương cấp cho hoạt động TGPL còn quá hạn chế, chưa có nguồn ngân sách riêng cho TGPL.

Thứ năm, thiếu các chính sách và giải pháp, cơ chế thích hợp để huy động các nguồn lực xã hội cho công tác TGPL, chưa có cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức đăng ký tham gia TGPL từ phía Nhà nước; ví dụ chính sách giảm thuế, tạo điều kiện tham gia vào các dự án, chế độ bồi dưỡng vụ việc cho cộng tác viên thấp, chưa vinh danh tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác TGPL.

Một số địa phương, sự kết nối, phối hợp của Sở Tư pháp với Trung tâm và các Đoàn Luật sư chưa được chặt chẽ. Theo đánh giá của Liên đoàn luật sư Việt Nam, hoạt động TGPL của luật sư hiện nay chủ yếu xuất phát từ sự tự nguyện, tự giác của từng cá nhân luật sư mà chưa có cơ chế hướng dẫn, giám sát và định hướng thực hiện cụ thể nên dễ dẫn đến tình trạng tự phát, thực hiện TGPL mang tính chiếu lệ, hình thức, thậm chí có trường hợp chưa có nhận thức đúng về thực hiện TGPL là nghĩa vụ của luật sư. Vì vậy, hoạt động TGPL chưa hiệu quả, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của đội ngũ luật sư hiện nay.

II. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Một số định hướng phát triển TGPL

TGPL là một chính sách lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Qua hơn 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược, quan điểm về mở rộng đối tượng TGPL là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có trình độ văn hóa thấp, trẻ em, nạn nhân bị bạo lực, nạn nhân bị mua bán là phù hợp, cần tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, hiện nay bối cảnh đã thay đổi, thị trường dịch vụ pháp lý phát triển rất nhanh. Đặc biệt, khi nguyên tắc tranh tụng trước Tòa và quyền con người, quyền công dân được quy định rõ trong Hiến pháp sửa đổi năm 2013 thì số lượng luật sư sẽ tăng vượt bậc. Ngoài ra, theo Luật Luật sư sửa đổi, thực hiện TGPL là nghĩa vụ bắt buộc của luật sư. Do đó, Chiến lược khẳng định xã hội hóa hoạt động TGPL

²¹ Người bị can, bị cáo là đối tượng thuộc diện TGPL chưa hiểu rõ về Trợ giúp viên pháp lý nên thường từ chối nhờ Trung tâm TGPL Nhà nước cử người bảo chữa cho họ.

trong giai đoạn từ 2020 – 2030 là tương đối chậm, nên cần phải thúc đẩy sớm hơn. Từ năm 2020, Nhà nước đã phải tập trung vào hoạt động quản lý, điều phối nguồn nhân lực và tài chính, giám sát, kiểm soát chất lượng hoạt động TGPL của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ TGPL; chỉ tổ chức trực tiếp thực hiện TGPL ở các vùng, miền mà tổ chức xã hội chưa đủ mạnh hoặc đối với các loại vấn đề, vụ việc mà địa phương có khó khăn.

Hoạt động TGPL cần tập trung chủ yếu vào vụ việc TGPL, nhất là các vụ tham gia tố tụng, đồng thời, tiếp tục lồng ghép công tác TGPL với các chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước. Hàng năm, Chính phủ phê duyệt dòng ngân sách cấp cho hoạt động TGPL đảm bảo chính sách an sinh xã hội, đảm bảo nhóm yếu thế trong xã hội được tiếp cận pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

Nghiên cứu quy mô hệ thống TGPL nhà nước phù hợp với các vùng, miền và điều kiện thực tế ở các địa phương. Bảo đảm tính ổn định, bền vững, quyền tiếp cận và hưởng TGPL cho mọi công dân đủ điều kiện, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL nói chung và chất lượng vụ việc TGPL nói riêng.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp phát triển TGPL

2.1. Nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2014 - 2016

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về TGPL phù hợp với định hướng phát triển 03 trụ cột chính của Nhà nước và xã hội Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được khẳng định trong Hiến pháp là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và phát huy dân chủ, bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Sửa đổi, bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp của Chiến lược; Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008 – 2010, định hướng đến 2015. Nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới công tác TGPL theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa công tác TGPL với chủ trương nghiên cứu quy mô hệ thống TGPL nhà nước phù hợp với các vùng, miền và điều kiện thực tế ở các địa phương, đồng thời thu hút lực lượng trong xã hội tham gia cung cấp dịch vụ TGPL. Nhà nước đóng vai trò quản lý, điều phối nguồn nhân lực và tài chính bảo đảm hoạt động TGPL có hiệu quả.

Trên cơ sở Đề án đổi mới công tác TGPL được phê duyệt, các quan điểm chỉ đạo, ý tưởng đổi mới cần thiết được thể chế hóa trong Luật TGPL sửa đổi năm 2015, Quốc hội thông qua vào năm 2016.

Thứ hai, cần có cơ chế, chính sách và giải pháp mạnh mẽ để khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội tham gia TGPL, nhất là đội ngũ luật sư.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam cần sớm có hướng dẫn, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, thu hút các luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư, các tổ chức xã hội nghề nghiệp luật sư tham gia TGPL tự nguyện, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội của luật sư theo quy định của Luật Luật sư. Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội - nghề nghiệp cần có chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức trực thuộc ở địa phương quán triệt và tích cực tham gia TGPL nếu có đủ điều kiện theo quy định. Nhà nước chi trả tiền bồi dưỡng thù lao theo vụ việc đối với luật sư thực hiện TGPL của tổ chức đăng ký tham gia TGPL.

Có chính sách miễn, giảm thuế cho các tổ chức hành nghề luật sư tham gia TGPL, TGPL tự nguyện. Có cơ chế khuyến khích, khen thưởng, tôn vinh, động viên các luật sư, luật gia tham gia TGPL cũng như các tổ chức, cá nhân đóng góp tài chính cho hoạt động TGPL; tăng mức bồi dưỡng vụ việc cho cộng tác viên TGPL.

Thứ ba, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và ngân sách cho công tác TGPL, tập trung vào nhiệm vụ chính thực hiện vụ việc TGPL có chất lượng, đặc biệt chú trọng các vụ việc tham gia tố tụng để bảo chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại và đương sự; tích cực tham gia hỗ trợ pháp lý trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo điển hình, gây bức xúc trong xã hội. Tăng cường phối hợp với các cơ quan tố tụng để giới thiệu người được TGPL đến các Trung tâm TGPL Nhà nước để cử người thực hiện TGPL từ giai đoạn điều tra, tham gia tích cực, trong quá trình tố tụng để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

Có cơ chế quản lý, điều động, hỗ trợ Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên, luật sư của tổ chức tham gia TGPL giữa các tỉnh/thành phố thực hiện vụ việc TGPL mà không phụ thuộc vào địa bàn, lãnh thổ hoạt động.

Việc đánh giá chất lượng phải được tổ chức thực hiện theo hướng luật sư độc lập là những người chủ chốt trong việc đánh giá chất lượng các vụ việc, cơ quan nhà nước có vai trò quản lý, giám sát.

Thứ tư, rà soát tính hiệu quả của tổ chức TGPL nhà nước, đội ngũ người thực hiện TGPL.

Rà soát tính hiệu quả của các Trung tâm và Chi nhánh, không tăng thêm biên chế, không mở rộng bộ máy tổ chức của Trung tâm và Chi nhánh mà tập trung củng cố, kiện toàn, tăng cường năng lực bảo đảm tuân thủ đúng các quy định pháp

luật, bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, kinh phí, năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đối với Chi nhánh, thực hiện theo lộ trình: (1) Năm 2014: Rà soát tổ chức bộ máy và hiệu quả các Chi nhánh; không thành lập mới Chi nhánh; (2) Từ năm 2015: Chấm dứt hoạt động đối với các Chi nhánh thành lập không đúng quy định, không căn cứ vào nhu cầu TGPL, không có Trợ giúp viên pháp lý. Rà soát hoạt động của Câu lạc bộ TGPL, chấm dứt hoạt động đối với các Câu lạc bộ không hiệu quả.

Đổi mới chương trình tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ người thực hiện TGPL, tập trung tập huấn các kỹ năng, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện vụ việc; xây dựng đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý có năng lực, trình độ thực hiện TGPL. nhất là trong hoạt động tố tụng.

Thứ năm, đổi mới vai trò nòng cốt của nhà nước, tập trung vào quản lý nhà nước về TGPL.

Nhà nước quản lý, điều phối nguồn nhân lực và tài chính bảo đảm tập trung cho vụ việc, nhất là tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đối tượng được hưởng TGPL; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng dịch vụ TGPL bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và ngân sách cho công tác TGPL, bảo đảm TGPL phát triển theo chuẩn mực chung, người thực hiện TGPL phải là chức danh luật sư.

Tích cực phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và các cơ quan liên quan chỉ đạo ngành nghiêm túc thực hiện các biện pháp để bảo đảm sự tham gia sớm và hiệu quả của người thực hiện TGPL trong các quá trình tố tụng, giải thích quyền được TGPL cho bị can, bị cáo, đương sự, hướng dẫn người thuộc diện TGPL đến tổ chức TGPL; phối hợp đánh giá, nâng cao chất lượng tham gia tố tụng của người thực hiện TGPL.

Tăng cường vai trò chỉ đạo, quản lý của Bộ Tư pháp, nhất là trong triển khai, theo dõi việc thực hiện pháp luật về TGPL; kiện toàn Cục TGPL và nâng cao năng lực quản lý của cán bộ Cục TGPL, trước mắt từ năm 2015, điều chỉnh TGPL theo hướng Bộ Tư pháp (Cục TGPL) có chức năng, nhiệm vụ điều phối, hỗ trợ vụ việc TGPL của các tổ chức thực hiện TGPL, trên cơ sở đó thực hiện hỗ trợ kinh phí thực hiện vụ việc TGPL, chú trọng các vụ việc tham gia tố tụng.

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp đối với công tác TGPL ở địa phương, tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý công tác TGPL. Nâng cao nhận thức của cán bộ, chính quyền địa phương về vai trò của cơ quan tư pháp trong quản lý lĩnh vực TGPL ở địa phương.

Nâng cao năng lực giám sát, kiểm tra tổ chức và hoạt động TGPL của Trung ương và địa phương; nghiên cứu, xây dựng cơ chế giám sát chất lượng dịch vụ TGPL của người dân. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động TGPL: xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu về TGPL, quản lý dữ liệu vụ việc TGPL; nâng cấp Trang thông tin điện tử TGPL Việt Nam.

Thứ sáu, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động TGPL. TGPL thuộc chức năng xã hội của Nhà nước, là một bộ phận của tổng thể các chính sách an sinh xã hội, chính sách về giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc, trách nhiệm pháp lý của Nhà nước pháp quyền nhằm bảo đảm người nghèo và đối tượng chính sách được bình đẳng, công bằng tiếp cận pháp luật và tư pháp, thể hiện đầy đủ bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân, thể hiện tính ưu việt của chế độ ta. Vì vậy, cần bảo đảm dòng ngân sách cho hoạt động TGPL²², đặc biệt kinh phí chi cho các vụ việc TGPL trong điều kiện kinh phí hỗ trợ từ bên ngoài đã cắt giảm để tạo điều kiện cho người nghèo, đối tượng chính sách được hưởng TGPL miễn phí của Nhà nước khi có nhu cầu.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2017 - 2020

Thứ nhất, tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật TGPL sửa đổi, bổ sung bảo đảm các quy định của Luật đi vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ hai, có lộ trình chuyển dần đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý thành luật sư hoặc các chức danh tư pháp khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích chính đáng của cán bộ, viên chức phù hợp với thực tiễn của từng địa phương, tiến tới chấm dứt chức danh này. Huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội tham gia TGPL, có cơ chế quản lý, khuyến khích hoạt động TGPL tình nguyện của các cá nhân, tổ chức. Từ năm 2020 trở đi, người thực hiện TGPL chủ yếu là các luật sư. Nhà nước không tổ chức thực hiện TGPL mà tập trung quản lý điều phối nguồn lực, giám sát, kiểm soát chất lượng TGPL.

Thứ ba, nâng cao năng lực của đội ngũ người thực hiện TGPL, tập trung vào nhiệm vụ chính thực hiện vụ việc tham gia tố tụng và tư vấn pháp luật.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về TGPL: Tăng cường vai trò chỉ đạo, quản lý của Bộ Tư pháp về chất lượng TGPL nói chung và vụ việc TGPL nói riêng; Bộ Tư pháp điều phối, cấp toàn bộ kinh phí thực hiện vụ việc TGPL từ năm 2020, qua đó, có thể xác định thứ tự ưu tiên cấp kinh phí cho các vụ

²² Ở Anh: Năm 2009 và 2010, ngân sách nhà nước chi cho hoạt động TGPL là 2.237 triệu EUR, trung bình 38 EUR/người; Ailen: Ngân sách nhà nước chi cho TGPL dân sự mỗi năm khoảng 30 triệu EUR (Báo cáo khảo sát TGPL tại Ailen năm 2013); Trung Quốc: 99% kinh phí chi cho TGPL từ ngân sách nhà nước ("Hệ thống TGPL nhà nước tại Trung Quốc và phân tích so sánh với hệ thống của Canada" – Ian Morrison, Giám đốc dự án TGPL ở Trung Quốc); Moldova: Năm 2009, kinh phí ngân sách nhà nước chi cho TGPL là 496.200 EUR.

việc tham gia tố tụng; quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ đối với hoạt động TGPL của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư và tư vấn pháp luật; công bố, xếp hạng các tổ chức TGPL đạt chuẩn và khen thưởng xứng đáng cho các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động TGPL.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Điều chỉnh giai đoạn phát triển công tác TGPL và sửa đổi, bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp trong Chiến lược

Thứ nhất, điều chỉnh giai đoạn phát triển công tác TGPL: Hiện nay, trong Chiến lược phân chia thành 03 giai đoạn phát triển công tác TGPL là 2011 – 2015; 2016 – 2020 và 2020 - 2030. Tuy nhiên, căn cứ tình hình thực tiễn sửa đổi, bổ sung Luật TGPL vào năm 2016, đề nghị điều chỉnh giai đoạn như sau: 2011 – 2016; 2017 – 2020 và 2020 – 2030.

Thứ hai, chuyển một số mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2020 - 2030 trong Chiến lược thành mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của giai đoạn 2014 - 2017, cụ thể như sau:

- Về xã hội hóa hoạt động TGPL: Hoàn thiện thể chế về TGPL theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động TGPL; huy động, khuyến khích tối đa các tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL, cơ quan, tổ chức, cá nhân, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo tham gia thực hiện TGPL tự nguyện.

- Nhà nước tập trung vào hoạt động quản lý, điều phối, giám sát, kiểm soát chất lượng hoạt động TGPL của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ TGPL; tổ chức trực tiếp thực hiện TGPL ở các vùng, miền mà tổ chức xã hội chưa đủ mạnh hoặc đối với các loại vấn đề, vụ việc mà địa phương có khó khăn.

- Xây dựng cơ chế để các luật sư thực hiện trách nhiệm xã hội của mình đối với công tác TGPL. Xây dựng đội ngũ người thực hiện TGPL là luật sư.

- KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH VỀ TGPL Ở TRUNG ƯƠNG; ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TGPL Ở ĐỊA PHƯƠNG TƯƠNG ỨNG VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC THỰC HIỆN TGPL.

- Nghiên cứu ứng dụng đa dạng hơn nguồn lực, hình thức và phương thức TGPL, tạo cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động TGPL. Xây dựng hệ thống quản lý người thực hiện TGPL, điều phối nguồn nhân lực và tài chính, giám sát chất lượng dịch vụ TGPL hiện đại bằng công nghệ thông tin. Xây dựng hệ

cơ sở dữ liệu vụ việc TGPL bảo đảm khoa học, linh hoạt, đầy đủ và chính xác các thông số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, thống kê, nghiên cứu khoa học ...

- Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chính sách TGPL trong các chương trình giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, chính sách dân tộc và dân vận phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, bảo tồn bản sắc văn hóa gắn với bảo đảm công bằng xã hội, tăng cường dân trí pháp lý, bảo đảm an sinh xã hội phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Thứ ba, sửa đổi một số chỉ tiêu cụ thể:

- Bỏ chỉ tiêu về thành lập Chi nhánh (giai đoạn 2011 - 2015)²³, khuyến khích thành lập các Tổ, Điểm TGPL khi có nhu cầu và điều kiện.

- Bỏ chỉ tiêu về thành lập Câu lạc bộ TGPL (giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020)²⁴.

- Bỏ chỉ tiêu về phát triển đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý và cộng tác viên TGPL (giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020)²⁵.

- Bỏ chỉ tiêu về Trợ giúp viên pháp lý được luân phiên bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước (giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020)²⁶.

Thứ tư, nghiên cứu bổ sung một số chỉ tiêu:

- Hàng năm, Chính phủ có dòng ngân sách cấp cho hoạt động TGPL đảm bảo cung cấp dịch vụ TGPL cho các đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Chỉ tiêu luật sư thực hiện TGPL tự nguyện (giai đoạn 2017 - 2020): 100% luật sư thực hiện TGPL tự nguyện đối với các đối tượng thuộc diện TGPL theo quy định.

- Chỉ tiêu Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng (giai đoạn 2014 - 2016): 100% Trợ giúp viên pháp lý phải thực hiện TGPL bằng hình thức tham gia tố tụng.

- Giai đoạn 2020 - 2030: Chỉ tiêu Nhà nước ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ TGPL và cá nhân, đồng thời quản lý, điều phối, giám sát, kiểm soát chất lượng hoạt động TGPL của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ TGPL.

²³ Điểm a mục 2 phần II Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam; Hoạt động 3 mục 1 Phần III Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL, nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm giai đoạn 2008-2010, định hướng đến 2015 (Quyết định 792/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ)

²⁴ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

²⁵ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

²⁶ Điểm a, b mục 2 Phần II Chiến lược

2. Đề xuất, kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2.1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến về một số định hướng phát triển TGPL và nhiệm vụ, giải pháp cho các giai đoạn theo đề xuất của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược và Đề án Quy hoạch và một số đề xuất khác như trình bày ở trên. Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu thể hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ trong Đề án đổi mới công tác TGPL và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2014. Đề án đổi mới công tác TGPL tập trung đề xuất các biện pháp cụ thể: điều chỉnh hệ thống TGPL nhà nước theo quy mô tinh gọn và nâng cao năng lực thực hiện vụ việc TGPL; đề xuất các chính sách thiết thực để đẩy mạnh xã hội hóa công tác TGPL với những giải pháp, bước đi phù hợp với các vùng, miền và điều kiện thực tế ở các địa phương; thu hút lực lượng luật sư tham gia TGPL và Nhà nước chỉ trả tiền bồi dưỡng thù lao theo quy định; hoàn thiện chính sách TGPL trong các chương trình giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bố trí ngân sách hàng năm cấp cho hoạt động TGPL; Bộ Tư pháp (Cục TGPL) điều phối nguồn nhân lực và tài chính cho công tác TGPL.

2.2. Đề nghị Quốc hội xem xét, bổ sung việc sửa đổi, bổ sung Luật TGPL vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2015 - 2016.

2.3. Đề nghị các Bộ, ngành (Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc) phối hợp trong việc nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách về TGPL nhằm bảo đảm chế độ, chính sách đối với Trợ giúp viên pháp lý và viên chức khác của Trung tâm TGPL nhà nước; bảo đảm ngân sách để thực hiện công tác TGPL; các chính sách giảm nghèo tập trung vào hỗ trợ ngân sách trung ương đối với các vụ việc TGPL; tăng cường công tác truyền thông về TGPL trên các Đài phát thanh, truyền hình và chú trọng TGPL cho các diện người được TGPL đặc thù: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, trẻ em, phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ bị buôn bán.

2.4. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và các cơ quan liên quan chỉ đạo ngành tích cực phối hợp trong hoạt động TGPL bảo đảm việc giải thích quyền được TGPL cho bị can, bị cáo, đương sự; hướng dẫn, giới thiệu người thuộc diện TGPL đến tổ chức TGPL.

2.5. Đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục quan tâm rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực của Trung tâm TGPL và Chi nhánh; bố trí kinh phí tương xứng cho công tác TGPL; quan tâm chi

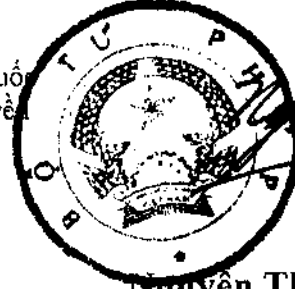
đạo để công tác TGPL tích cực tham gia vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vụ việc điển hình, phức tạp được xã hội quan tâm.

Trên đây là Báo cáo 02 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Bộ Tư pháp kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo././ mm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Chủ tịch Quốc hội Ưông Chu Lưu (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công an, Quốc phòng, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội Luật gia VN;
- Liên đoàn Luật sư VN;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Cục TGPL (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thúc Hiến

Phụ lục 1

TỔNG HỢP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM

| Stt | Tiêu chí | Số liệu trước khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2011) | Số liệu sau khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2013) | |
|------------|--|--|--|----|
| I. | Tổ chức bộ máy | | | |
| 1. | Phòng chuyên môn | 128 | 157 | |
| 2. | Chi nhánh | 173 | 199 | |
| II. | Cán bộ | (i) | (ii) | |
| I. | Phân theo chức vụ lãnh đạo | | | |
| 1.1 | Giám đốc | CT | 52 | 56 |
| | | KN | 8 | 6 |
| 1.2 | Phó Giám đốc | Là TGVPL | 73 | 75 |
| | | Chưa là TGVPL | 2 | 2 |
| 1.3 | Trưởng phòng và tương đương | 110 | 164 | |
| 1.4 | Phó Trưởng phòng và tương đương | 31 | 55 | |
| 2. | Phân theo chức danh | | | |
| 2.1 | Trợ giúp viên pháp lý chính và tương đương | 27 | 24 | |
| 2.2 | Trợ giúp viên pháp lý | 298 | 459 | |
| 2.3 | Chuyên viên | 503 | 537 | |
| 2.4 | Kế toán | CT | 62 | 65 |
| | | KN | 3 | 4 |
| 2.5 | Cán bộ khác | 124 | 155 | |
| 3. | Trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên đã chuyên công tác | 83 | 84 | |

Ghi chú:

- Các chữ viết tắt:
- + CT: Chuyên trách
- + KN: Kiểm nhiệm
- + TGVPL: Trợ giúp viên pháp lý

Phụ lục 2
TỔNG HỢP THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
CỦA TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ, CHUYÊN VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Đơn vị tính: Người

| Stt | Tiêu chí | Số liệu trước khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2011) | Số liệu sau khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2013) |
|-----|--|--|--|
| 1 | <i>Số lượng Trợ giúp viên pháp lý, Chuyên viên pháp lý được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước (Ngạch Chuyên viên, Ngạch Chuyên viên chính, Ngạch Chuyên viên cao cấp)</i> | 296 | 352 |
| 2 | <i>Số lượng Trợ giúp viên pháp lý, Chuyên viên pháp lý được đào tạo về tin học</i> | 657 | 711 |
| 3 | <i>Số lượng Trợ giúp viên pháp lý, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý được tập huấn về văn bản pháp luật mới</i> | 9.114 | 10.858 |
| 4 | <i>Số lượng Trợ giúp viên pháp lý, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý được tập huấn về kỹ năng trợ giúp pháp lý</i> | 8.797 | 10.143 |

Phụ lục 3

SỐ LIỆU CÁC TỔ CHỨC THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ, TỔ, ĐIỂM,
CÂU LẠC BỘ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

A. Số liệu các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý

I. Số liệu các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý

| Stt | Tổ chức | Số liệu trước khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2011) | | Số liệu sau khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2013) | |
|----------------|----------------------------|---|--------------|---|--------------|
| | | ĐK | CĐK | ĐK | CĐK |
| 1 | Công ty luật | 20 | 464 | 57 | 1.032 |
| 2 | Văn phòng luật sư | 167 | 1101 | 220 | 1.557 |
| 3 | Trung tâm tư vấn pháp luật | 36 | 41 | 40 | 67 |
| Tổng số | | 223 | 1.606 | 317 | 2.656 |

II. Số liệu người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý

Đơn vị tính: Người

| Stt | Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | Người thực hiện trợ giúp pháp lý | |
|----------------|---|---|---|
| | | Số liệu trước khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2011) | Số liệu sau khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2013) |
| 1 | Công ty luật | 96 | 196 |
| 2 | Văn phòng luật sư | 527 | 619 |
| 3 | Trung tâm tư vấn pháp luật | 124 | 102 |
| Tổng số | | 747 | 917 |

B. Số liệu Chi nhánh, Tổ, Điểm, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý

| Stt | Tổ, Điểm, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý | Số liệu trước khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2011) | Số liệu sau khi có Chiến lược (tính đến 01/6/2013) | Số liệu dự kiến giai đoạn 2013 - 2015 (*) | Số liệu dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 (**) | Số liệu dự kiến đến 2030 (***) | |
|--|--|---|---|---|--|--------------------------------|-----|
| 1 | Câu lạc bộ thành lập theo các nguồn kinh phí | CTGN | 1.376 | 1.062 | 563 | 465 | 411 |
| | | CT 135 giai đoạn II | 1.405 | 1.045 | 273 | 257 | 242 |
| | | QĐ 52 | 192 | 595 | 315 | 218 | 142 |
| | | Quý TGPL | 72 | 63 | 47 | 63 | 98 |
| | | DA | 537 | 459 | 91 | 83 | 73 |
| | | Ngân sách địa phương | 615 | 1.121 | 777 | 994 | 989 |
| Tổng số Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý | | 4.197 | 4.345 | 2.066 | 2.080 | 1.955 | |
| 2 | Tổ TGPL | 153 | 293 | 211 | 619 | 656 | |
| 3 | Điểm TGPL | 31 | 230 | 36 | 51 | 71 | |

Ghi chú: Các chữ viết tắt: TGPL: Trợ giúp pháp lý; ĐK: Đã đăng ký tham gia TGPL; CĐK: Chưa đăng ký tham gia TGPL; CTGN: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; CT 135: Chương trình 135 giai đoạn II; QĐ 52: Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ; DA: Dự án.

(*): số liệu thống kê của 33 tỉnh

(**): số liệu thống kê của 33 tỉnh

(***): số liệu thống kê của 25 tỉnh

Phụ lục 4

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

(Số liệu được tính từ 01/6/2011 đến 01/6/2013)

| Tổng số | CTVK | CTV - LS | TGV | Người thực hiện | |
|----------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|-----------|
| | | | | HS | DS |
| 20.290 | 5.162 | 6.070 | 9.058 | HS | Lĩnh vực |
| 50.706 | 19.033 | 7.760 | 23.913 | DS | |
| 25.364 | 10.212 | 32.79 | 15.152 | HNGD | |
| 16.477 | 7.434 | 1.442 | 7.601 | HCKN | |
| 55.137 | 18.603 | 5.420 | 31.114 | ĐB | |
| 5.185 | 2.438 | 357 | 2.390 | LB | |
| 29.496 | 8.247 | 758 | 20.491 | PL UBND | |
| 29.175 | 15.411 | 917 | 12.847 | K | |
| 231.830 | 86.540 | 22.724 | 122.566 | ES | Hình thức |
| 213.335 | 82.999 | 13.424 | 116.912 | Tư vấn | |
| 3.059 | 0 | 1.894 | 1.165 | TGTT ĐD BC | |
| 10.336 | 0 | 6.925 | 3.411 | | |
| 417 | 0 | 129 | 288 | ĐDNTT | |
| 1.801 | 1.374 | 139 | 288 | HG | |
| 2.882 | 2.167 | 213 | 502 | K | |
| 34.574 | 3.622 | 5.951 | 25.001 | TT | |
| 18.664 | 2.593 | 392 | 15.679 | CN | |
| 102.848 | 19.613 | 7.774 | 75.461 | LB | |
| 31.793 | 26.977 | 778 | 4.038 | CLB | |
| 43.951 | 33.735 | 7.829 | 2.387 | K | Địa điểm |

Phụ lục 5

TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TẬP HUẤN, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ LƯU ĐỘNG VÀ SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

| Tập huấn | | Trợ giúp pháp lý lưu động | | | | | | | Sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý | | | | | |
|-----------------|------------------|----------------------------------|------------------------------|---|------------------|---------|----------|-------|---------------------------------------|----------------------------------|---|------------------|------------------|------------|
| Số đợt tập huấn | Số người tham dự | Số đợt trợ giúp pháp lý lưu động | Lòng ghép phổ biến pháp luật | Số lượng xã được trợ giúp pháp lý lưu động/tổng số xã | Số người tham dự | Vụ việc | | | Số lượng tài liệu khác | Ban Chủ nhiệm | | Số đợt sinh hoạt | Số người tham dự | Số vụ việc |
| | | | | | | Tư vấn | Hòa giải | Khác | | Tổng số thành viên Ban Chủ nhiệm | Số thành viên Ban Chủ nhiệm là cộng tác viên trợ giúp pháp lý | | | |
| 499 | 40.940 | 8.439 | 7.355 | 7.056/ 11.121 | 524.749 | 94.702 | 403 | 7.743 | 2.387.336 | 159.337 | 25.609 | 38.001 | 1.215.813 | 31.793 |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | | | |

***Ghi chú:**

(4): Thông kê số đợt lưu động kết hợp với phổ biến pháp luật tại cơ sở.

Phụ lục 6

TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
(Số liệu từ ngày 01/6/2011 đến 01/6/2013)

| Số lượng tờ gấp pháp luật | | Số lượng tài liệu pháp luật khác | | Số lượng băng cassette/VCD/CD | | | Số lượng Băng thông tin, Hộp tin | | | | | |
|---------------------------|------------|----------------------------------|---------|-------------------------------|------------------------|---------|----------------------------------|------------------------|---------|--|--|---|
| Tổng số | Tiếng Việt | Tiếng dân tộc thiểu số | Tổng số | Tiếng Việt | Tiếng dân tộc thiểu số | Tổng số | Tiếng Việt | Tiếng dân tộc thiểu số | Tổng số | Số lượng Băng thông tin, Hộp tin tại UBND xã, phường, thị trấn | Số lượng Băng thông tin, Hộp tin tại các cơ quan tiến hành tố tụng | Số lượng Băng thông tin, Hộp tin tại địa điểm khác (Nhà văn hóa, Điểm bưu điện văn hóa xã, ...) |
| 5.549.285 | 3.471.680 | 77.605 | 288.988 | 288.988 | 0 | 11.485 | 6.935 | 4.550 | 10.444 | 4.871 | 3.634 | 1.939 |

PHỤ LỤC 7: TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ CẤP CHO CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Đơn vị tính: đồng

| STT | Ngân sách địa phương | | Nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg | Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Trợ giúp pháp lý (ngoài Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg) | Dự án hợp tác quốc tế | Nguồn khác (nếu rõ) | Tổng kinh phí cấp |
|----------------|----------------------|----------------|---|--|-----------------------|---------------------|-------------------|
| | Chi lương | Chi nghiệp vụ | | | | | |
| Tổng số 2012 | 56.637.368.000 | 30.339.687.000 | 12.532.000.000 | 2.700.000.000 | 0 | 7.130.924.000 | 109.339.980.000 |
| Tổng số 2013 | 66.725.890.000 | 35.059.697.000 | 24.200.000.000 | 3.000.000.000 | 0 | 7.317.303.000 | 136.302.890.000 |
| Tổng 2012+2013 | 123.363.258.000 | 65.399.384.000 | 36.732.000.000 | 5.700.000.000 | 0 | 14.448.227.000 | 245.642.870.000 |

Phụ lục 8
SƠ LƯỢC VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ CHI NHÁNH CỦA TRUNG TÂM

| Trang thiết bị, phương tiện làm việc | | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|------|--------|-------------------------|----------------|--------|---------|---------|--------------|----------|--|
| 31 | 25 | 91 | 189 | 730 | 373 | 56 | 77 | 97 | 149 | 69 |
| Trụ sở độc lập | Ô tô | Xe máy | Tủ sách pháp luật | Máy vi tính | Máy in | Máy fax | Máy ảnh | Máy phôtô | Điều hòa | Trang thiết bị khác (máy quay phim, loa đài...) |